

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-PT
Ngày 06-3-2018
V/v tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Phạm Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp đất đai.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐ-PT ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1932 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị NLQ6, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 01 năm 2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn C, thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Văn C, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phan Trường G, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 153, tổ 1, ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1928 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh NLQ2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Phước L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Anh NLQ3, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1, anh NLQ2 và anh NLQ3: Anh Phan Trường G, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2017; ngày 27 tháng 02 năm 2017 và ngày 10/4/2017).

4. Anh NLQ4 (tự Lưu B), sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

5. Chị NLQ5, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

6. Chị NLQ6, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

7. Chị NLQ7, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

8. Chị NLQ8, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

9. Anh NLQ9, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

10. Chị NLQ10, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Z, tỉnh Kiên Giang.

11. Anh NLQ11, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trịnh Thị L.

(Luật sư và bà NLQ6 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày: Vào năm 1984 bà sang nhà cây lá và đất từ bà Trần Thanh Y có kích thước ngang 7,5m x dài 13m và quá trình sử dụng đất cạnh giáp Quốc lộ 80 là 8,20m, cạnh giáp đất bà Nguyễn Thu V là 13m, hai cạnh giáp đất ông Phan Trường G là 13m x 6,77m. Ngày 10/7/1993 bà L xin xác nhận chủ quyền nhà ở và được Ban lãnh đạo ấp R xác nhận. Các hộ xung quanh ở đó đều biết và cũng không có ai tranh chấp. Năm 2011 bà L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì được biết phần diện tích đất có căn nhà xây tường của bà L đã được cấp cho ông Giang.

Nay bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Trường G và công nhận cho bà L được sử dụng diện tích đất 96,7m² nêu trên.

* Bị đơn anh Phan Trường G, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1, anh NLQ2 và anh NLQ3 trình bày: Cha anh là ông Phan Hồng S; mẹ là bà NLQ1 là cán bộ kháng chiến. Sau khi giải phóng miền Nam năm 1975, lãnh đạo Huyện ủy H giao cho cha mẹ anh quản lý sử dụng một khu đất giáp đình Thần Hoàng. Năm 1978 khi có chiến tranh biên giới tây nam, một số hộ dân tản cư từ bên chợ H đến hỏi mượn đất để cất nhà cây lá ở tạm như: bà Liên (đã chết), ông Nghiệp (đã chết), ông Sơn, ông Đạt và bà Y. Khi chiến tranh kết thúc một số hộ trên xin mua lại đất, đến nay đã được tách thửa và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà L mua lại căn nhà của bà Y vào năm 1984 thì gia đình anh hoàn toàn không biết. Năm 2002 cha anh chết, gia đình anh có họp gia tộc và thống nhất giao phần đất này cho anh quản lý và anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W742138, thửa số 142a, diện tích 300m² đất ở và thửa số 412b, diện tích 1.115m² đất vườn, tờ bản đồ TY-22, do UBND thị xã H cấp ngày 29/9/2004. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang cất giữ, không có thể chấp cho tổ chức cá nhân nào. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ6 trình bày: Mẹ ruột chị là bà Trịnh Thị L, cha ruột là ông Lý Phương K (tự Hai Tốt) qua đời năm 2016. Cha mẹ chị có 04 người con gồm: chị, NLQ7, NLQ8 và Lâm Tứ P qua đời và có 03 người con gồm NLQ9, NLQ10 và NLQ11. Chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ9 và anh NLQ11 thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu của chị NLQ6.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh NLQ4 và chị NLQ5 trình bày: Anh chị xin ở nhờ trên đất anh G và hai bên có làm giấy tay. Phần đất bà L tranh chấp với anh G mà sau này thuộc quyền sử dụng của ai và người đó còn cho ở thì vợ chồng anh chị tiếp tục ở. Nếu không cho ở thì vợ chồng anh chị đi dời đi nơi khác mà không đòi hỏi khoản chi phí nào.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ7, chị NLQ8, chị NLQ10 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L và đồng ý giao toàn bộ tài sản này cho bà L sử dụng.

* Tại bản án sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

- Công nhận cho bà Trịnh Thị L được sử dụng đất có diện tích là 57,4m², nằm trong thửa 142b, loại đất vườn, tờ bản đồ 22-TY, tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang;

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị L yêu cầu được sử dụng đất có diện tích là 39,3m² và tiếp tục giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất này cho anh Phan Trường G sử dụng, nằm trong thửa 142b, loại đất vườn, tờ bản đồ 22-TY, tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (Án sơ thẩm có xác định tư cận của phần đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2014 của Tòa án nhân dân thị xã H).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Trịnh Thị L có quyền kê khai đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giao quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 742138, vào sổ cấp số 07993/QSĐĐ/TY, ký ngày 29/9/2004 đứng tên anh Phan Trường G để điều chỉnh lại cho đúng với thực tế và hiện trạng sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 16/10/2017 nguyên đơn bà Trịnh Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho gia đình bà được quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 97,5m² tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Tại Biên bản ghi lời khai của bà Y (bút lục 09) xác định: vào năm 1978 gia đình bà Y chạy giặc đến xã T và có mua lại của ông Năm Chấn một căn nhà lá, đến năm 1984 do không có nhu cầu sử dụng nữa nên bà đã sang nhượng lại cho bà L; Tại Đơn xin xác nhận nhà của bà L và Đơn xin phép sửa chữa nhà của bà L đều xác định diện tích căn nhà của bà L cất có chiều ngang 4m x dài 9m. Qua đó, cho thấy căn nhà này được bà Y mua của ông Năm Chấn sau đó bà Y bán lại cho bà L, bà L đã sử dụng ổn định trên 30 năm và đã nộp thuế đầy đủ. Đối với phần đất hiện nay anh NLQ4, chị NLQ5 đang cất nhà ở thì trước đây bà Y dùng để nuôi heo, sau đó chuyển nhượng cho bà L, bà L sử dụng để củi, sau đó cho anh NLQ4, chị NLQ5 mượn cất nhà ở; tại Biên bản lấy lời khai của bà Y (bút lục 47) và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (bút lục 42 đến 45) hai bên khẳng định diện tích tranh chấp là ngang 7,2m x dài 12m; và tại biên lai nộp thuế của Chi cục thuế H có ghi diện tích bà L phải nộp thuế là 97,5m² và loại đất là đất ở nông thôn. Thực tế bà L sử dụng là đất ở nông thôn chứ không phải là đất vườn, đất đã sử dụng làm nhà ở hơn 40 năm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, công nhận cho bà L sử dụng toàn bộ diện tích đất 97,5m² nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Trường G, chị NLQ7, chị NLQ8, anh NLQ9, chị NLQ10, anh NLQ11, anh NLQ4 và chị NLQ5 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Bà L kháng cáo cho rằng diện tích đất vợ chồng anh NLQ4 và chị NLQ5 sử dụng 39,3m² là của bà mua của bà Y vào năm 1984 nên yêu cầu được công nhận cả phần đất này cho bà sử dụng. Xét thấy, nguồn gốc phần đất này trước đây là của cha mẹ anh G là ông Phan Hồng S và bà NLQ1 trực tiếp sử dụng từ năm 1976, đến năm 1978 ông S, bà NLQ1 cho một số hộ mượn đất cất nhà ở, trong đó

có hộ bà Y; vào năm 1984 bà Y có sang cho bà L một căn nhà lá. Năm 2002 ông S chết, gia đình thống nhất giao cho anh G đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất của ông S, bà NLQ1.

Bà L xác định bà mua của bà Y diện tích là 97,5m², nhưng theo lời khai của bà Y (bút lục 342) thì bà Y chỉ bán cái chòi nhà trên đất, chứ không bán đất, ngang dài bao nhiêu bà không rõ, hai bên chỉ nói miệng và không làm giấy tờ gì; bà Y không ký hay lấn tay vào giấy tay sang nhà. Phía nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký hay dấu lấn tay của bà Y trong giấy sang bán nhà (bút lục 346). Theo Biên bản biên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2014 thể hiện tổng diện tích đất tranh chấp là 96,7m², trong đó căn nhà của bà L xây dựng trên diện tích là 57,4m², phần đất còn lại có diện tích là 39,3m² do vợ chồng anh NLQ4, chị NLQ5 cất nhà ở. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 335) người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà NLQ6 cũng xác định rằng bà L chỉ sử dụng phần diện tích đất mà bà L có nhà ở (tức là diện tích 57,4m²), phần đất phía sau do vợ chồng anh NLQ4, chị NLQ5 cất nhà ở với sự đồng ý của anh G. Do đó, xét về nguồn gốc đất là của ông S, bà NLQ1, tuy nhiên bà L lại có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục và lâu dài từ năm 1984 đến nay là hơn 30 năm, trong khoảng thời gian bà L sử dụng thì những hộ dân sống xung quanh và cả gia đình anh G đều biết và cũng không có tranh chấp gì. Theo quy định tại khoản 1 Điều 247 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này*” thì bà L là chủ sở hữu đối với phần đất hiện nay bà đang sử dụng. Cấp sơ thẩm công nhận phần đất có diện tích 57,4m² này cho bà L được quyền sử dụng là đúng theo quy định của pháp luật; còn đối với phần đất có diện tích 39,3m² do vợ chồng anh NLQ4, chị NLQ5 cất nhà ở thì bà L không sử dụng nên cấp sơ thẩm không công nhận phần đất này cho bà L là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà L và quan điểm của Luật sư C yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 96,7m² cho bà L sử dụng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh G, xét thấy, khi anh G đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L cũng không biết và Ủy ban nhân dân thị xã H cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu không có quy định về việc hỏi ý kiến người giáp ranh hoặc có nhà ở nhờ trên đất (bút lục 163) và theo công văn số 153/UBND-TNMT ngày 29/9/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh G được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định

của Luật đất đai hiện hành. Nên việc Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh G là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh G có sự nhầm lẫn về số thửa (thửa số 412b trong giấy chứng nhận được xác định là thửa 142b theo công văn số 25/TNMT-HC ngày 01/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H) và có sai lệch về kích thước, diện tích. Do đó, cấp sơ thẩm kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận để điều chỉnh lại cho đúng với thực tế sử dụng là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị L và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trịnh Thị L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 247 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L về tranh chấp đất đai đối với anh Phan Trường G.

Công nhận cho bà Trịnh Thị L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 57,4m² nằm trong thửa 142b (tức thửa 412b nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 742138), loại đất vườn, tờ bản đồ 22-TY, tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang, đất có hình ADEF cụ thể:

Cạnh AD giáp Quốc lộ 80 là 8,20m;

Cạnh DE giáp đất anh Phan Trường G là 7,40m;

Cạnh EF giáp phần đất anh NLQ4 và chị NLQ5 cất nhà ở là 7,35m.

Cạnh FA giáp đất của bà Nguyễn Thu V là 7,40m;

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị L yêu cầu được sử dụng phần đất có diện tích là $39,3\text{m}^2$ và tiếp tục giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất này cho anh Phan Trường G sử dụng, nằm trong thửa 142b (tức thửa 412b nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 742138), loại đất vườn, tờ bản đồ 22-TY, tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang, đất có hình BCEF cụ thể:

Cạnh EF giáp phần đất bà Trịnh Thị L cất nhà ở là 7,35m;

Cạnh FB giáp chị Nguyễn Thu V là $4,86\text{m} + 0,74\text{m} = 5,6\text{m}$;

Cạnh BC giáp đất anh Phan Trường G là 6,77m;

Cạnh CE giáp đất anh Phan Trường G là 5,6m.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2014 của Tòa án nhân dân thị xã H và Trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 21/9/2016 giữa bà Trịnh Thị L đối với anh Phan Trường G của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Kiên Giang).

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 742138, vào sổ cấp số 07993/QSDD/TY, ký ngày 29/9/2004 đứng tên anh Phan Trường G để điều chỉnh lại cho đúng với thực tế và hiện trạng sử dụng đất.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 08654 ngày 27/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Anh Phan Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Trịnh Thị L phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do Hồ Việt Minh T nộp thay theo biên lai thu số 0004361 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

5. Về chi phí đo đạc và thẩm định giá đất: Anh Phan Trường G phải chịu chi phí đo đạc và định giá là 1.489.000 đồng. Do số tiền này bà Trịnh Thị L đã nộp

nên buộc anh G phải hoàn trả lại cho bà L số tiền là 1.489.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thị xã H;
- THA dân sự thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên